TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26/6/2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Hợp
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Ngôn.
2. Ông Hoàng Văn Tấn

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm 1978. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay thể hiện nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh H tháng 8/2001, trước khi kết hôn không có sự tìm hiểu mà do người khác giới thiệu. Cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau ngay, có thời gian hòa thuận nay có 01 con chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có sự hòa hợp về tính tình nên hay xảy ra cãi nhau. Chị T đã bỏ về nhà đẻ từ đầu năm 2004 cho đến nay không quay lại chung sống cùng anh H nữa. Từ khi chị T về nhà đẻ anh H không đến gọi lần nào và vợ chồng chấm dứt quan hệ từ khi chị T về nhà đẻ cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh H.

Vợ chồng có 01 con chung là Đào Văn M, sinh ngày 12/02/2002 nay đang ở với chị T đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Đào Văn H trình bày: Anh H kết hôn với chị T hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với mẹ anh H tại thị trấn N, huyện V. Năm 2004 chị T có quan hệ ngoại tình với người khác đưa về nhà ngủ bị anh H phát hiện nên đã đưa chị T về nhà đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh H nhất trí.

Vợ chồng tôi có 01 con chung là Đào Văn M, sinh ngày 12/02/2002 nay đang ở với chị T, sau khi ly hôn anh H nhất trí để chị T nuôi con.

Tài sản, công nợ, ruộng canh tác không có vướng mắc gì. Sau khi ly hôn không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, chị T và anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử.

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi con chung của vợ chồng là Đào Văn M, sing ngày 12/02/2002. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Văn H là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại thôn S, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn H vắng mặt nhưng chị T và anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị T thấy: Sau khi kết hôn chị T và anh H đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 01 con chung, trong quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị Thơm là do hai vợ chồng không được hòa thuận về tính tình nên hay xảy ra cãi nhau, theo anh H trình bày mâu thuẫn vợ chồng là do chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh H đã đưa chị T về nhà đẻ từ năm 2004 cho đến nay và hai bên cũng chấm dứt quan hệ từ đó. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập và thông báo phiên hoà giải cho anh H nhưng anh H không đến Toà án làm việc đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án không tiến hành hoà giải giữa hai bên được. Qua xác minh tại địa phương thì thấy trong quá trình chung sống chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn, hai bên đã chấm dứt quan hệ vợ chồng thời gian đã lâu. Chị T và anh H đều không có nguyện vọng đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn H là phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đào Văn M, sinh ngày 12/02/2002 nay đang ở với chị T đời sống được đảm bảo. Sau khi ly hôn chị T nhận nuôi con chung của vợ chồng và không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H nhất trí để chị T tiếp tục nuôi con. Xét thấy việc anh H và chị T thỏa thuận việc nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của con chung muốn ở với chị T. Vì vậy giao cho chị T nuôi con chung của vợ chồng là Đào Văn M là phù hợp pháp luật. Do chị T không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Anh Đào Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng đất chị T và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn H.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi con chung của vợ chồng là Đào Văn M, sinh ngày 12/02/2002. Anh Đào Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T.

Anh Đào Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 05129 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. (Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí).

Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Vũ Văn Hợp